TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 01 - 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi

Ông Dương Viết Vĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sái Tuyết C, sinh năm 1978

Nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Ngọ Quang H, sinh năm 1979

Nơi ĐKHKTT: Xóm V, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm V, xã T, huyện P,, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn Chị Sái Tuyết C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với Anh Ngọ Quang H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày

28/3/2018. Sau kết hôn được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì, sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đến khoảng hai năm rồi nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm kinh tế, trong công việc làm ăn. Thời điểm bắt đầu mâu thuẫn từ cuối năm 2020, chủ yếu là do mệt mỏi trong làm ăn anh H nói, chửi xúc phạm đến chị, gia đình nhà chị, lúc nóng giận anh còn đánh chị.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với Anh Ngọ Quang H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Ngọ Thùy A, sinh ngày 14/12/2020. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Thùy Anh còn nhỏ, vẫn phải ăn sữa mẹ, hiện chị có nơi ở ổn định tại Xóm V, xã T, huyện P và đang kinh doanh bán hàng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C xác định vợ chồng không có và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Ngọ Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận chị C trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Hai bên đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 28/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, không ai bị ép buộc, lừa dối gì. Sau kết hôn gia đình có tổ chức cưới hỏi, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng cuối năm 2020 thì hai bên hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai vợ chồng có bất đồng trong làm ăn kinh tế có áp lực, dẫn đến hai vợ chồng cãi nhau, lúc nóng giận anh cũng có tát chị. Quá trình giải quyết vụ án anh H xác định chị C đã kiên quyết xin ly hôn, anh cũng động viên vợ nhưng không thể hàn gắn được nữa nên anh nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh vẫn mong muốn chị C suy nghĩ lại vợ chồng về đoàn tụ nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Ngọ Thùy A, sinh ngày 14/12/2020. Trường hợp phải ly hôn, anh cũng yêu cầu được nuôi con, yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh hiện nay cũng có nơi ở ổn định, có điều kiện chăm con được tốt nhất.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành H giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con trưởng thành. Tuy nhiên chị C vẫn giữ nguyên quan điểm ly

hôn và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Sái Tuyết C khởi kiện xin ly hôn Anh Ngọ Quang H và yêu cầu về nuôi con chung, nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn Anh Ngọ Quang H cư trú tại: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sái Tuyết C và Anh Ngọ Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị C lý do chị xin ly hôn với anh H là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm trong kinh tế, trong công việc làm ăn. Khi mệt mỏi anh H nói, chửi xúc phạm đến chị, gia đình nhà chị, lúc nóng giận anh còn đánh chị. Bản thân anh H cũng thừa nhận do có áp lực và bất đồng trong làm ăn kinh tế nên hai vợ chồng hay cãi nhau. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị C vẫn kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con nhỏ nhưng chị C vẫn kiên quyết xin ly hôn nên anh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H vẫn mong muốn chị C suy nghĩ lại, vợ chồng về đoàn tụ nên anh không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H đã diễn ra trong một thời gian dài, không H hợp hàn gắn được, đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Toà án đã tiến hành H giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng không thành. Vì vậy, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh H là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

2.2. Về con chung:

Do chị C và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Ngọ Thùy A, quá trình giải quyết vụ án các bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung của mỗi bên sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét về điều kiện làm việc, thu nhập, nơi ở và các yếu tố khác để việc giao cháu Anh

cho người có điều kiện tốt nhất chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để cháu phát triển đầy đủ về mọi mặt.

Xét về các điều kiện: Hiện tại chị C và anh H đều là lao động bình thường có thu nhập. Hai bên cũng đều có nơi ở rõ ràng, ổn định. Tuy nhiên hiện nay cháu Ngọ Thùy A còn quá nhỏ (cháu Anh sinh ngày 14/12/2020), đến nay cháu Anh mới được 12 tháng 27 ngày tuổi và hiện nay chị C vẫn đang nuôi con bằng sữa mẹ nên cháu rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi về nguyên tắc được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị C phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận và giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi cháu Ngọ Thùy A là đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình H giải và tại phiên tòa, Chị Sái Tuyết C không yêu cầu Anh Ngọ Quang H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C, anh H đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn Chị Sái Tuyết C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật;

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Sái Tuyết C, cho Chị Sái Tuyết C được ly hôn Anh Ngọ Quang H.

2. Về con chung: Giao cho Chị Sái Tuyết C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngọ Thùy A, sinh ngày 14/12/2020 cho đến khi cháu Ngọ Thùy A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Sái Tuyết C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Anh Ngọ Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Sái Tuyết C và Anh Ngọ Quang H đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Sái Tuyết C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002578 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (Chị Sái Tuyết C), bị đơn (Anh Ngọ Quang H), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục T.H.A DS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã B;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Giang